| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN G**<br>**TỈNH B** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 73/2024/DS-ST
Ngày: 17-6-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

**Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Lê Văn Cảnh

2. Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa**: bà Trần Thị Bình Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Đỗ Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 386/2023/TLST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST - DS ngày 09 tháng 5 năm 2024 và quyết định hoãn phiên toà số: 121/2024/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* bà Trần Thị G (Út C), sinh năm 1972; địa chỉ: số 431, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh B. *Người đại diện theo uỷ quyền*: bà Lê Thị Yến N, sinh năm 1990; địa chỉ: số 28, ấp G, xã T, huyện G, tỉnh B (có mặt).

*2. Bị đơn:* ông Lê Tấn C, sinh năm 1978; địa chỉ: số 1136, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* bà Nguyễn Thị Hồng V, sinh năm 1978; địa chỉ: số 1136, ấp H, xã H1, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 30/8/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08/4/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà Trần Thị G và người đại diện theo ủy quyền là bà Lê Thị Yến N trình bày:*

Do có mối quan hệ bà con với nhau (ông C là cháu chồng của bà G) nên bà G có cho ông Lê Tấn C vay tiền Nều lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Vào ngày 05/12/2019, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 2: Vào ngày 14/3/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 3: Vào ngày 04/4/2020, vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 4: Vào ngày 09/5/2020 (âm lịch), vay số tiền 100.000.000 đồng.

Lần 5: Vào ngày 16/5/2020, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 6: Vào ngày 25/5/2020, vay số tiền 50.000.000 đồng.

Lần 7: Vào ngày 23/7/2020, vay số tiền 60.000.000 đồng.

Tổng cộng là: 510.000.000 đồng.

Các lần vay tiền, ông C đều viết biên nhận, mục đích vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không thỏa thuận thời hạn trả nợ. Về lãi suất, tuy các biên nhận không thể hiện nhưng hai bên có thoả thuận bằng lời nói mức lãi suất cho các khoản vay là 3%/tháng.

Sau khi vay, ông C đã không thực hiện nghĩa vụ trả lãi đầy đủ, đúng hạn như đã thoả thuận. Tính đến cuối năm 2020, ông C chỉ trả được tiền gốc 20.000.000 đồng, tiền lãi 72.000.000 đồng nên hai bên phát sinh tranh chấp.

Trong buổi làm việc ngày 10/8/2023 tại Uỷ ban nhân dân xã H1, huyện G, tỉnh B, ông C thừa nhận nợ bà G tiền vay là 510.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Việc ông C trì hoãn, kéo dài nghĩa vụ trả nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của bà G. Do đó, bà G yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả cho bà tiền vay 490.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/6/2024 (41 tháng) với mức lãi suất 1,66%/tháng (1,66%/tháng x 490.000.000đ x 41 tháng) là 333.494.000 đồng, khấu trừ vào tiền lãi đã trả 72.000.000 đồng, còn lại là 261.494.000 đồng.

*Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Tấn C vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị G. Tuy Nên, tại phiên toà vào ngày 28/3/2024, ông C trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số lần vay, thời gian vay, số tiền của từng lần vay. Thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng tiền vay là 510.000.000 đồng. Về lãi suất, các biên nhận không thể hiện nhưng lãi suất hai bên thoả thuận bên ngoài (bằng lời nói) là 3%/tháng. Sau khi vay, ông có trả lãi Nều lần với tổng số tiền là 72.000.000 đồng. Do hoàn C khó khăn nên ông mới không có khả năng trả nợ cho bà G như đã thoả thuận. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà G, ông đồng ý trả cho nguyên đơn tiền vay còn nợ nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

*Tại bản tự khai ngày 28/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:*

Về tình trạng hôn nhân, bà và ông C đã ly thân từ lâu. Bà và con sống ở nhà mẹ ruột.

Về kinh tế, bản thân bà độc lập, tự chủ về tài chính, có công việc ổn định, tự nuôi con một mình. Ông C vô trách Nệm với con.

Về chuyện nợ nần với bà G, bà không hề biết cụ thể. Bà không nghe ông C, bà G nói, cũng không biết mặt bà G. Bà không thấy, cũng không chứng kiến việc vay tiền của ông C và bà G. Việc vay tiền này diễn ra âm thầm, lén lút chỉ có bà G, ông C mà không có người thứ ba nào. Bản thân bà không ký bất kỳ giấy tờ gì liên quan đến việc vay tiền trên nên không chịu trách Nệm. Bà yêu cầu Toà án xem xét giải quyết cho bà không có nghĩa vụ gì trong việc vay tiền giữa ông C và bà G.

* *Tại phiên tòa:*

- Bị đơn ông Lê Tấn C vắng mặt không lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng, đầy đủ các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án, không vi phạm về việc xét xử vụ án. Nguyên đơn, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V không tham gia các phiên họp, hoà giải, không có mặt theo yêu cầu của Toà án, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

+ Buộc ông Lê Tấn C trả cho bà G số tiền gốc vay là 490.000.000 đồng, lãi suất 1,66%/tháng kể từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/6/2024. Do ông C đã trả cho bà G số tiền lãi 72.000.000 đồng nên được trừ vào số tiền lãi mà ông C phải chịu.

+ Đình chỉ đối với yêu cầu bà Nguyễn Thị Hồng V có trách Nệm liên đới cùng ông C trả tiền cho bà G.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:* tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Tấn C mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Hồng V vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[1] Nguyên đơn bà Trần Thị G yêu cầu bị đơn ông Lê Tấn C có nghĩa vụ trả cho bà G tiền vay 490.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/6/2024 (41 tháng) với mức lãi suất 1,66%/tháng (1,66%/tháng x 490.000.000đ x 41 tháng) là 333.494.000 đồng, khấu trừ vào tiền lãi đã nhận 72.000.000 đồng, còn lại là 261.494.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1.1] Đối với tiền vay 490.000.000 đồng:

[1.1.1] Theo nguyên đơn bà Trần Thị G trình bày trong năm 2019, 2020, bà cho ông Lê Tấn C vay 07 lần với tổng số tiền là 510.000.000 đồng. Cụ thể: ngày 05/12/2019 cho vay 50.000.000 đồng; ngày 14/3/2020 cho vay 100.000.000 đồng; ngày 04/4/2020 cho vay 100.000.000 đồng; ngày 09/5/2020 (âm lịch) cho vay 100.000.000 đồng; ngày 16/5/2020 cho vay 50.000.000 đồng; ngày 25/5/2020 cho vay 50.000.000đ đồng và ngày 23/7/2020 cho vay 60.000.000 đồng. Tổng tiền vay là 510.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận là 3%/tháng, không kỳ hạn. Chứng cứ chứng minh là 07 biên nhận nợ do ông C viết, ký khi vay.

[1.1.2] Quá trình tố tụng, mặc dù ông Lê Tấn C không tham gia các phiên hoà giải, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với trình bày, yêu cầu của nguyên đơn. Tuy Nên, tại biên bản làm việc ngày 10/8/2023 của Uỷ ban nhân dân xã H1, huyện G, tỉnh B ghi nhận nội dung: "… *ông C có thừa nhận có mượn bà G với tổng số tiền 510.000.000đ (năm trăm mười triệu đồng) và xin trả dần với số tiền 5 triệu đồng mỗi tháng*…". Đồng thời, tại phiên toà ngày 28/3/2024, ông C thống nhất với trình bày của người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn về số lần vay, thời gian vay, số tiền của từng lần vay, thừa nhận còn nợ nguyên đơn tổng tiền vay là 510.000.000 đồng, thừa nhận mức lãi suất thoả thuận là 3%/tháng và đồng ý trả cho nguyên đơn tiền vay còn nợ nên yêu cầu của bà G về số tiền 490.000.000 đồng là có căn cứ.

[1.2] Về lãi suất: căn cứ vào văn bản ghi nhận việc trả lãi do bị đơn cung cấp tại phiên toà ngày 28/3/2024 có thể hiện nội dung:"*8 tháng lãi = 122.400.000*" và trình bày của hai bên tại phiên toà ngày 28/3/2024 có cơ sở xác định lãi suất được hai bên thoả thuận cho 07 lần vay là 3%/tháng và thời điểm ông C vi phạm nghĩa vụ đối với bà G là từ cuối năm 2020. Như vậy, việc bà G yêu cầu ông C trả tiền lãi từ ngày 17/01/2021 đến ngày 17/6/2024 (41 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng đối với tiền vay 490.000.000 đồng là 333.494.000 đồng, khấu trừ vào tiền lãi đã trả 72.000.000 đồng, còn lại là 261.494.000 đồng là có căn cứ.

[1.3] Từ các phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G yêu cầu ông C có nghĩa vụ trả tiền vay 490.000.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 17/1/2021 đến ngày 17/6/2024 (41 tháng) với mức lãi suất là 1,66%/tháng là 333.494.000 đồng, khấu trừ vào tiền lãi đã nhận 72.000.000 đồng, còn lại là 261.494.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về trách Nệm liên đới trả nợ: quá trình tố tụng và tại phiên toà, nguyên đơn bà G rút yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Hồng V. Xét việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Xét việc ông Lê Tấn C xin trả dần tiền vay còn nợ mỗi tháng 5.000.000 đồng không được bà G đồng ý và cũng không phù hợp với quy định pháp luật nên không được chấp nhận.

[4] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà G được chấp nhận nên bị đơn ông C phải nộp số tiền (20.000.000 đồng + 4% x 351.494.000 đồng) là 34.059.760 đồng theo quy định theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468, 469, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G.

Buộc ông Lê Tấn C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị G số tiền là 751.494.000đ (bảy trăm năm mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng). Gồm:

- Tiền vốn: 490.000.000đ (bốn trăm chín mươi triệu đồng);

- Tiền lãi: 261.494.000đ (hai trăm sáu mươi mốt triệu bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Không chấp nhận việc ông Lê Tấn C yêu cầu trả dần tiền vay còn nợ mỗi tháng 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị G đối với bà Nguyễn Thị Hồng V về việc liên đới cùng ông Lê Tấn C trả nợ.

4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Buộc ông Lê Tấn C phải nộp số tiền là 34.059.760đ (ba mươi bốn triệu, không trăm năm mươi chín nghìn bảy trăm sáu mươi đồng).

Trả lại cho bà Trần Thị G tổng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.180.000đ (mười tám triệu một trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001566 (ngày 23/10/2023), 0004976 (ngày 15/4/2024) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**
*- TAND tỉnh B;*
*- VKSND huyện G;*
*- THADS huyện G;*
*- Các đương sự;*
*- Lưu hồ sơ.*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Đặng Thị Ngọc Duyên**

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

# BIÊN BẢN GIAO NHẬN

Hôm nay vào lúc ……..giờ ……phút, ngày ……

Taïi: Trụ sở Viện kiểm sát nhân dân huyện G

* Bên giao: bà Đặng Thị Ngọc Duyên – Thẩm phán

* Bên nhận: ……- ……Viện kiểm sát nhân dân huyện G.

Tiến hành giao nhận: Bản án số 73/2024/DS-ST ngày 17/6/2024 của TAND huyện G (Trần Thị G – Lê Tấn C).

Hai bên được nghe, đọc biên bản và đồng ý ký tên

Biên bản kết thúc vào hồi ……. giờ……phút cùng ngày

Người giao Người nhận